TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 14-8-2026
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Đạt.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Ngọc Thủy.
2. Ông Nguyễn Duy Toàn.

- Thư ký phiên toà: Bà Vy Thị Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Trà My - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 140/2026/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2026 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2026/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1986. Căn cước công dân số: 02018601****. Địa chỉ: Thôn L (nay là thôn L), xã Q, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lộc Văn T, sinh năm 1983. Căn cước công dân số: 02008400****. Địa chỉ: Thôn L (nay là thôn L), xã Q, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 26/5/2026 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Lộc Văn T kết hôn năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (nay là Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Lạng Sơn). Trước khi kết hôn, vợ chồng được tự do tìm hiểu nhau, không bị ai ép buộc. Việc kết hôn là hoàn toàn tự

nguyện. Đến năm 2010, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Lộc Văn T thường xuyên say rượu rồi chửi bới, đánh đập chị nhiều lần, dẫn đến cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng đã ly thân kể từ năm 2011 đến nay, không chung sống cùng nhau nữa; chị chuyển về nhà mẹ đẻ ở cùng thôn sinh sống. Kể từ khi ly thân, vợ chồng không còn tình nghĩa vợ chồng, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không tồn tại trên thực tế. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lộc Văn T.

Về con chung, vợ chồng có 01 người con chung là Lộc Văn N, sinh năm 2005. Hiện nay, anh Lộc Văn N đã trưởng thành, đang đi thực hiện nghĩa vụ quân sự nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lộc Văn T không có mặt theo giấy triệu tập, thông báo hòa giải, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần.

Tại buổi làm việc ngày 22/6/2026, bà Hoàng Thị M – Mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị L cung cấp thông tin, thể hiện: Khoảng năm 2011, vợ chồng chị Nguyễn Thị L, anh Lộc Văn T xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Lộc Văn T thường xuyên uống rượu say rồi chửi bới, xúc phạm, đánh đập vợ con. Khi biết sự việc, bà đã cố gắng khuyên nhủ, hoà giải cho các con nhưng không thành. Chị Nguyễn Thị L và anh Lộc Văn T đã ly thân kể từ khoảng năm 2011 đến nay, chị Nguyễn Thị L đã chuyển về nhà bà ở cùng thôn sinh sống.

Tại biên bản làm việc ngày 15/7/2026 ở thôn L (nay là thôn L), xã Q, tỉnh Lạng Sơn thể hiện: Anh Lộc Văn T đã uống rượu, tinh thần không tỉnh táo, từ chối làm việc với cán bộ Tòa án và không ký biên bản làm việc.

Kết quả xác minh ngày 15/7/2026 tại nơi cư trú của anh Lộc Văn T thể hiện: Anh Lộc Văn T thường xuyên uống rượu rồi đi lang thang khắp nơi, không làm việc gì; còn chị Nguyễn Thị L đi làm công ty; sau một thời gian đi làm công ty, chị Nguyễn Thị L cũng về nhà ngoại sinh sống, không chung sống cùng anh Lộc Văn T nữa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng, quan điểm đề nghị giải quyết vụ án như sau:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với ý kiến về việc giải quyết vụ án, căn cứ các Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L, xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Lộc Văn T. Về con chung, vợ chồng có 01 người con chung là Lộc Văn N, sinh năm

2005, con chung đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung, các đương sự không có yêu cầu, không xem xét giải quyết. Về án phí, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Chị Nguyễn Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân nên xác định quan hệ pháp luật là ly hôn. Bị đơn anh Lộc Văn T có nơi cư trú tại thôn L (nay là thôn L), xã Q, tỉnh Lạng Sơn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, các Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (*được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số: 85/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, Đối thoại tại Tòa án*) *(sau đây gọi tắt là Bộ luật Tố tụng dân sự)*; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên toà, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Lộc Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai, chứng cứ do đương sự cung cấp và các tài liệu do Toà án thu thập, có đủ cơ sở để xác định: Chị Nguyễn Thị L và anh Lộc Văn T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (nay là Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Lạng Sơn) và tổ chức hôn lễ trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Lộc Văn T là hoàn toàn hợp pháp.

[4] Về mâu thuẫn vợ chồng: Trên cơ sở lời khai, các tài liệu do nguyên đơn cung cấp và kết quả xác minh của Tòa án tại nơi cư trú, có đủ cơ sở xác định quá trình chung sống, vợ chồng chị Nguyễn Thị L, anh Lộc Văn T xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến cuộc sống vợ chồng thường xuyên căng thẳng, không hạnh phúc. Vợ chồng ly thân đã lâu, không chung sống cùng nhau nữa, đời sống chung không tồn tại. Vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau.

[5] Điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, quy định:

"3. *"Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"* là thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Không có tình nghĩa vợ chồng, ví dụ: ***Vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ chồng sống ly thân,....***"

[6] Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được; vì vậy, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, cần được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[7] Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Lộc Văn T có 01 con chung là Lộc Văn N, sinh năm 2005. Hiện nay, con chung đã trưởng thành, hoàn toàn minh mẫn, khỏe mạnh, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

[10] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là phù hợp với tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Đối với quan điểm về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đã đưa ra các nhận định, đánh giá phù hợp với đường lối giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Lộc Văn T.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 94, đăng ký ngày 27/4/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã Q, tỉnh Lạng Sơn)).

2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lộc Văn N, sinh năm 2005. Con chung đã trưởng thành, không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, khoản nợ chung: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Nguyễn

Thị L đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/26E, số: 0001239 ngày 01/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 4 - Lạng Sơn;
- Phòng THADS khu vực 4 - Lạng Sơn;
- UBND xã Q, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Văn Đạt